

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 01 – 2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Bà Đỗ Thị Giờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiệu, kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ (tên gọi khác: H), sinh năm: 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thuận Hưng, huyện LM, tỉnh HG.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thúy D, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thuận Hưng, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ (gọi tắt là ông Đ) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Phạm Thị Thúy D (gọi tắt là bà D) tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân do ông bà cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, ông Đ cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông Đ khai trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung, cháu tên Nguyễn Phạm Anh T (giới tính: nữ), sinh ngày 30/4/2005 và cháu Nguyễn Phạm Phúc T (giới tính: nam), sinh ngày 12/8/2013, hiện các con đang sống chung với ông Đ, khi ly hôn ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và cháu T, ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai bị đơn bà Phạm Thị Thúy D (gọi tắt là bà D) trình bày:

Do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn nên bà phải đi làm và chăm sóc cho mẹ ruột bị bệnh, bà D không có thời gian về chăm sóc gia đình và các con được. Bà và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh T và cháu Nguyễn Phạm Phúc T. Về yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì bà D không thể hiện ý kiến của mình. Bà D có gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết với ông Đ, ngoài ra bà D không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà D.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ đối với bị đơn bà Phạm Thị Thúy D, cho ông Đ được ly hôn với bà D.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông Đ, giao ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh T (giới tính: nữ), sinh ngày 30/4/2005 và cháu Nguyễn Phạm Phúc T (giới tính: nam), sinh ngày 12/8/2013. Bà Phạm Thị Thúy D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Có nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung đối với bị đơn bà Phạm Thị Thúy D. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn bà Phạm Thị Thúy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng có gửi bản tự khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004 ông Đ và bà D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và ông bà đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, bà D cũng cho rằng do hoàn cảnh mẹ bệnh nên bà phải đi làm không còn sống chung với ông Đ và không thường xuyên về tham gia đình. Tại biên bản xác minh của Tòa án xác định, sau khi vợ chồng ông bà kết hôn với nhau thì sống chung được một thời gian dài, sau đó vợ chồng làm ăn thất bại nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó vợ chồng không còn không còn sống chung với nhau nữa. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên ông bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà D.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của ông Đ, hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Đ và bà D thống nhất vợ chồng có 02 con chung, hiện nay các con điều sống chung với ông Đ. Tại bản tự khai của cháu Thư và cháu Thịnh đều có nguyện vọng được sống chung với ông Đ và kết quả xác minh của Tòa án cũng xác định từ khi các vợ chồng ông Đ không còn sống chung với nhau thì ông Đ là người chăm sóc tốt cho các cháu. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho các cháu, nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Phạm Anh T (giới tính: nữ), sinh ngày 30/4/2005 và cháu Nguyễn Phạm Phúc T (giới tính: nam), sinh ngày 12/8/2013 cho ông Nguyễn Tấn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Phạm Thị Thúy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Tấn Đ không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ đối với bị đơn bà Phạm Thị Thúy D. Cho ông Nguyễn Tấn Đ được ly hôn với bà Phạm Thị Thúy D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Tấn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Anh T (giới tính: nữ), sinh ngày 30/4/2005 và cháu Nguyễn Phạm Phúc T

(giới tính: nam), sinh ngày 12/8/2013, hiện nay các con đang sống chung với ông Đức. Về cấp dưỡng: Ông Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Phạm Thị Thúy D không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006025 phiếu lập ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hưng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan